

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN DU
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-ST
Ngày: 26/7/2021
V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN DU, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Xuân.

Ông Trần Quang Lưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quế - Thư ký TAND huyện Tiên Du.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2020/TL-DSTC ngày 01/12/2020 về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-DS ngày 01/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2021/QĐST-DS ngày 30/6/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn T H, sinh năm 1971 (xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn N V, xã L V, huyện T D, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Phạm T H, sinh năm 1982 (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 76 Nguyễn G T, pH S H, thành phố Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Phạm V H, sinh năm 1984 (có mặt).

Chị Phạm T T H, sinh năm 1988 (có mặt).

Cùng trú tại: Thôn N V, xã L V, huyện T D, tỉnh Bắc Ninh.

Người làm chứng:

+ Bà N T T, sinh năm 1967 (có mặt).

+ Chị Trần T P, sinh năm 1975 (có mặt).

+ Chị Nguyễn T T, sinh năm 1970 (có mặt).

Cùng trú tại: Thôn N V, xã L V, huyện T D, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn T H và vợ chồng anh Phạm V H, chị Phạm T T H có mối quan hệ họ hàng với nhau và đều là người cùng thôn Nam Viên, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du. Anh H, chị H gọi bà H là dì họ, do có nhu cầu làm ăn nên anh H, chị H có đặt vấn đề vay tiền của bà H số tiền là 380.000.000 (ba trăm tám mươi triệu đồng) đồng cụ thể như sau:

- Ngày 18/5/2019: 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng. Các bên thỏa thuận khi nào bà H cần tiền thì báo trước. Ngày 20/5/2019: Anh H vay 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng; Chị H vay 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Tổng cộng 2 lần vay là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Đối với khoản vay này, không thỏa thuận thời hạn thanh toán;

- Ngày 01/9/2019: 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng. Các bên thỏa thuận khi nào bà H cần tiền thì báo trước;

- Ngày 03/3/2020: 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Các bên thỏa thuận khi nào bà H cần tiền thì báo trước. Đối với khoản vay này, ngày 09/4/2021 tại phiên hòa giải tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, vợ chồng anh H, chị H đã thanh toán đầy đủ.

Tại thời điểm cho vay đối với các khoản vay trên, hai bên đều không thỏa thuận lãi suất. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh H, chị H thanh toán các khoản nợ trên nhưng anh H, chị H không thanh toán. Anh H, chị H cũng thừa nhận bà H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh chị trả tiền đã vay nhưng anh chị chưa trả. Do vậy, bà H yêu cầu áp dụng mức lãi suất là 9%/năm đối với khoản tiền gốc còn nợ lại. Thời điểm áp dụng tính lãi kể từ ngày 01/10/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh H, chị H thanh toán khoản tiền gốc còn nợ lại là 330.000.000đ (Ba trăm ba mươi triệu đồng); Lãi suất áp dụng là 9%/năm (tương ứng 0,75%/tháng). Chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: 03 Giấy biên nhận tiền có chữ ký, chữ viết của anh H, chị H.

Bị đơn là anh H, chị H trình bày: Chị H thừa nhận có vay bà H số tiền 380.000.000 (Ba trăm tám mươi triệu) đồng. Trong hai lần vay tiền đầu tiên chị có nói với anh H biết nhưng anh H không có ý kiến gì, tại giấy vay tiền ngày 01/9/2019 chị thừa nhận đã ký cả tên anh H. Toàn bộ tiền vay này chị đã nhận đủ và đều sử dụng vào mục đích chi tiêu, sinh hoạt và nuôi trồng nhằm phục vụ chung cho gia đình anh chị. Anh H thừa nhận số tiền vợ chồng anh chị vay để phục vụ cho hoạt động sản xuất và sinh hoạt chung cho gia đình.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh chị đã trả cho bà H số tiền gốc là 310.000.000đ (Ba trăm mười triệu đồng). Ngày 09/4/2021 tại phiên hòa giải Tòa án nhân dân huyện Tiên Du anh chị trả tiếp số tiền gốc 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Tổng cộng đã thanh toán 360.000.000 đồng tiền gốc và một phần lãi mà các bên đã thỏa thuận bằng miệng với mức lãi suất cao là 36%/tháng, hàng

tháng anh chị đã thanh toán tiền lãi cho bà H. Như vậy, anh H chị H cho rằng vợ chồng anh chị chỉ còn nợ bà H số tiền gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Mặc dù các khoản vay trên, trong hợp đồng không thỏa thuận lãi suất nhưng thực tế vợ chồng anh H, chị H và bà H đều thỏa thuận lãi suất miệng là 36%. Do tin tưởng nhau nên khi trả tiền hai bên không viết giấy tờ gì mà chỉ chốt miệng với nhau.

Với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, anh H và chị H không đồng ý mà chỉ chấp nhận thanh toán khoản tiền gốc còn lại là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và lãi suất theo đề nghị của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đưa ra là 9%/ năm cho khoản gốc còn lại, thời gian tính lãi từ 01/10/2019. Căn cứ chứng minh cho trình bày của anh chị là các USB ghi âm lại các cuộc nói chuyện giữa anh chị và bà H. Ngoài ra anh H, chị H không cung cấp được căn cứ nào khác. Tại phiên tòa hôm nay, cả anh H và chị H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh đã thanh toán tiền cho bà H số tiền là 360.000.000đ

Quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt: Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc anh H, chị H trả lại cho bà H số tiền gốc còn nợ lại là 330.000.000 đồng; Tiền lãi 9%/năm (tương ứng 0,75%/tháng) kể từ ngày 01/10/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 26/7/2021 là 54.037.500đ. Tổng cộng số tiền anh H, chị H phải trả cho bà H là 384.037.500đ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người làm chứng lần lượt trình bày:

+ Chị Nguyễn T T: Chị có quan hệ họ hàng với cả bà Nguyễn T H và anh Phạm V H, chị Phạm T T H. Việc vay nợ giữa những người trên ban đầu chị không biết, chỉ đến khi các bên phát sinh tranh chấp thì chị mới biết. Chị chỉ biết bà H cho H, H vay với lãi suất cao số tiền 100.000.000đ sau này với lãi suất 15%/tháng. Còn số tiền 380.000.000đ vay nợ giữa hai bên thì chị không biết.

+ Chị Trần T P: Chị có quan hệ họ hàng với cả bà Nguyễn T H và anh Phạm V H, chị Phạm T T H. Do cần tiền làm ăn nên chị giới thiệu cho vợ chồng H H đến nhà chị Nguyễn T H vay tiền. Việc vay giữa hai bên số tiền trong vụ án này là 380.000.000đ thì chị không biết. Chị chỉ biết khoảng tháng 9/2019 vợ chồng H H vay của chị H số tiền 100.000.000đ với lãi suất 15%/tháng. Tôi đã có lần nhận tiền lãi từ vợ chồng H H đưa cho chị H nhưng không nhớ chính xác là bao nhiêu và vào ngày nào và cũng không có biên bản giấy tờ gì ghi lại việc trả tiền này.

+ Bà N T T: Bà là mẹ đẻ của anh H và cháu H là con dâu, việc vay giữa hai cháu với chị H số tiền trong vụ án này là 380.000.000đ thì bà không biết. Đến khi xảy ra tranh chấp thì bà mới biết, theo bà vợ chồng H H chỉ còn nợ chị H số tiền 100.000.000đ tiền ngoài số tiền vay trong vụ án này là 380.000.000đ và 70.000.000đ tiền gốc liên quan đến vụ án này. Tổng cộng là 170.000.000đ. Đối với số tiền 100.000.000đ mà vợ chồng H H vay chị H thì bà chỉ nghe là với mức lãi suất 15%/tháng và không có tài liệu hay căn cứ gì chứng minh việc cho vay lãi cao này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị HĐXX:

Căn cứ Điều 116, 117, 385, 400, 429, 463, 465, 466, 468, 469 BLDS; Điều 26, 35, 39, 97, 98, 203, 208, 209, 210, 220 BLTTDS; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H về việc:

+ Buộc vợ chồng anh H, chị H phải trả cho chị H số tiền nợ gốc đã vay là 330.000.000đ.

+ Chấp nhận yêu cầu về lãi suất đối với số tiền đã vay của bà H: Buộc vợ chồng anh H, chị H phải thanh toán cho bà H số tiền lãi suất từ ngày vay 01/10/2019 đến ngày xét xử 26/7/2021 là 54.037.500đ.

+ Bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn T H khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Phạm V H, chị Phạm T T H phải trả số tiền đã vay theo 03 giấy vay tiền. Do vậy đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự. Căn cứ nội dung các giấy vay tiền thì xác định đây là Hợp đồng vay tiền không có kỳ hạn, nguyên đơn trình bày đã nhiều lần yêu cầu bị đơn phải trả số tiền đã vay nhưng bị đơn không trả, bị đơn cũng thừa nhận việc này nên bà H có quyền khởi kiện lên Tòa án nhân dân huyện Tiên Du để giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn có địa chỉ tại thôn N V, xã L V, huyện T D, tỉnh Bắc Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 09/4/2021, Tòa án đã tiến hành hòa giải và lập biên bản hòa giải thành giữa các đương sự với nội dung “*Phạm V H và chị Phạm T T H sẽ có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn T H tổng số tiền là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng. Thời hạn trả đến trước ngày 09/6/2021*”. Ngày 16/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du có nhận được đơn đề nghị (v/v rút một phần yêu cầu khởi kiện) và đơn đề nghị về việc bà H không đồng ý với kết quả hòa giải do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp. Ngày 19/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Tiên Du đã ban hành Thông báo số 02/2021/TB-TA về việc thay đổi ý kiến, yêu cầu của đương sự; Ngày 01/6/2021, Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ấn định phiên tòa được mở vào 30/6/2021. Tại phiên tòa ngày 30/6/2021, phía bị đơn và đại diện Viện kiểm sát đề nghị triệu tập bà Nguyễn T H và những người làm chứng theo trình bày của bị đơn đến tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử sau khi thảo luận quyết định hoãn phiên tòa và mở lại vào ngày 26/7/2021. Tại phiên tòa

hôm nay bà Nguyễn T H đã ủy quyền toàn bộ cho chị Phạm T H tham gia tố tụng nên vắng mặt. Chị Phạm T H có đơn xin xét xử vắng mặt do vậy HĐXX quyết định xét xử vụ án.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

**Hợp đồng vay tài sản được xác lập:*

Bà H và vợ chồng anh H, chị H có mối quan hệ họ hàng và đều là người cùng thôn. Anh H, chị H có vay tiền của bà H. Việc vay tài sản thể hiện tại các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là các Giấy vay tiền thể hiện:

- Ngày 18/5/2019: 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng. Các bên thỏa thuận khi nào bà H cần tiền thì báo trước. Ngày 20/5/2019: Anh H vay 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng; Chị H vay 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Tổng cộng 2 lần vay là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Đối với khoản vay này, không thỏa thuận thời hạn thanh toán.

- Ngày 01/9/2019: 160.000.000 (Một trăm sáu mươi triệu) đồng. Các bên thỏa thuận khi nào bà H cần tiền thì báo trước.

- Ngày 03/3/2020: 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Các bên thỏa thuận khi nào bà H cần tiền thì báo trước. Anh H, chị H đều thừa nhận chữ ký, chữ viết của mình trong các giấy vay tiền nói trên.

Như vậy 03 Hợp đồng (giấy vay tiền) được thiết lập giữa các bên đều phù hợp và đảm bảo tuân thủ theo các quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Tổng số tiền anh H, chị H đã vay của bà H theo các giấy vay tiền là 380.000.000đ.

**Quá trình thực hiện hợp đồng:*

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng: Ngày 09/4/2021, phiên hòa giải tại Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, vợ chồng anh H và chị H mới thanh toán khoản tiền gốc là 50.000.000 đồng và chưa thanh toán được khoản tiền lãi suất nào cho cả mấy khoản vay trên. Số tiền gốc 50.000.000 đồng này phù hợp với khoản vay ngày 03/3/2020, bà H trừ thẳng vào khoản vay này. Như vậy còn nợ số tiền gốc là 330.000.000 đồng tương ứng với 03 hợp đồng vay còn lại.

Bị đơn cho rằng: Đã trả gốc 360.000.000 đồng và lãi làm nhiều lần. Đối với việc trả gốc 310.000.000 đồng do có quan hệ thân thiết nên các lần trả lãi và gốc này không lập giấy tờ gì mà chỉ chót miệng với nhau. Đối với khoản gốc 50.000.000 đồng được trả tại Tòa án được các bên công nhận. Đến nay chỉ còn nợ số tiền 20.000.000đ tiền gốc. Do có quan hệ thân thiết nên các lần trả lãi và gốc không lập giấy tờ gì. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của bị đơn là đoạn ghi âm, ghi hình được thể hiện ở các USB do anh H, chị H cung cấp tại Tòa án. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Tòa án đã công khai trực tiếp cho các đương sự xem và nghe. Nội dung của đoạn ghi âm này không chứng minh việc anh H, chị H đã trả tiền gốc 310.000.000 đồng.

Bên cạnh đó những người làm chứng là bà N T T, chị Trần T P, chị Nguyễn T T đều không biết việc vay nợ giữa chị H và vợ chồng H H về số tiền trong vụ án này là 380.000.000đ. Mà chỉ biết hai bên cho nhau vay số tiền 100.000.000đ với lãi

suất 15%/tháng. Nhưng quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay những người làm chứng không đưa ra được căn cứ chứng minh việc chị H cho vay lãi cao và căn cứ chứng minh cho việc vợ chồng H H đã trả cho chị H được bao nhiêu tiền và trả vào thời điểm nào.

HĐXX xét thấy chưa có đủ căn cứ để khẳng định việc anh H, chị H đã trả cho bà H số tiền gốc là 310.000.000 đồng và lãi suất của toàn bộ số tiền 380.000.000 đồng. Bên cạnh đó anh H và chị H đều thừa nhận việc vợ chồng anh chị vay tiền của bà H đều nhằm phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh chung của cả gia đình. Riêng về mức tính lãi suất và thời điểm tính lãi từ ngày 01/10/2019 như nguyên đơn yêu cầu thì anh H, chị H đều đồng ý và không có ý kiến gì. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Buộc anh H, chị H phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả cho bà H số tiền gốc còn nợ lại là 330.000.000 đồng; Lãi suất 9%/năm và thời điểm tính lãi từ ngày 01/10/2019 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 26/7/2021 là: $330.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times (01 \text{ năm } 09 \text{ tháng } 25 \text{ ngày}) = 54.037.500\text{đ}$ (Năm tư triệu, không trăm ba bảy nghìn, năm trăm đồng).

Tổng cộng buộc anh H, chị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn T H tổng số tiền gốc và lãi là 384.037.500đ (Ba trăm tám tư triệu, không trăm ba bảy nghìn, năm trăm đồng).

[2.2] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 116, 117, 385, 400, 429, 463, 465, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự;
- Khoản 2 Điều 27 – Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

Buộc anh Phạm V H, chị Phạm T T H có nghĩa vụ liên đới phải thanh toán trả cho bà Nguyễn T H số tiền gốc là: 330.000.000 (Ba trăm ba mươi triệu đồng). Tiền lãi tính đến ngày 26/7/2021 là 54.037.500đ (Năm tư triệu, không trăm ba bảy nghìn, năm trăm đồng). Tổng cộng là 384.037.500đ (Ba trăm tám tư triệu, không trăm ba bảy nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong , tất cả các khoản tiền , hàng tháng

bên phải thi hành án còn phải chi u khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Anh Phạm V H, chị Phạm T T H phải chịu 19.201.875đ (Mười chín triệu, hai trăm linh một nghìn, tám trăm bảy năm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Nguyễn T H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.550.000đ (Mười triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số: AA/2018/0000413 ngày 01/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt án vắng mặt hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./..

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Chi cục THADS huyện Tiên Du;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Xuân Hà